qiào chì

鞘翅

noun · elytron (wing cover of beetles)

Example Sentence

Jiǎ chóng de qiào chì bǎo hù le tā cuì ruò de fēi xíng chì bǎng
甲 虫 的 鞘 翅 保 护 了 它 脆 弱 的 飞 行 翅 膀 。

The beetle's elytra protect its fragile flight wings.

Trace each character, then write the word on your own.

鞘 鞘 鞘 鞘 鞘 鞘 鞘 鞘 鞘 鞘 鞘

鞘 鞘 鞘 鞘 鞘

翅 翅 翅 翅 翅 翅 翅 翅 翅 翅 翅

翅 翅